

KIỂM TRA HỌC KỲ 1

Năm học: 2019 - 2020

DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI

Phòng thi: P16

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	110001	Chu Văn An	29/01/2003	Nam	11B08	
2	110002	Lê Đức An	07/11/2003	Nam	11B03	
3	110003	Nguyễn Thị Hoài An	12/09/2003	Nữ	11B02	
4	110004	Nguyễn Thị Trường An	10/01/2003	Nữ	11B05	
5	110005	Phạm Hữu An	16/11/2003	Nam	11B03	
6	110006	Phạm Thị Phương An	12/02/2003	Nữ	11B01	
7	110007	Phạm Xuân Thế An	11/01/2003	Nam	11B04	
8	110008	Vũ Hoàng An	01/01/2003	Nam	11B01	
9	110009	Vũ Văn An	16/08/2003	Nam	11B09	
10	110010	Cao Thị Minh Anh	04/11/2003	Nữ	11B05	
11	110011	Dư Thị Hồng Anh	03/03/2003	Nữ	11B02	
12	110012	Hứa Hồng Anh	08/10/2003	Nam	11B04	
13	110013	Lê Thị Hải Anh	26/04/2003	Nữ	11B02	
14	110014	Nguyễn Thị Lan Anh	02/09/2003	Nữ	11B01	
15	110015	Nguyễn Thị Mai Anh	13/11/2003	Nữ	11B02	
16	110016	Nguyễn Tuấn Anh	26/02/2003	Nam	11B01	
17	110017	Phan Quỳnh Anh	21/07/2003	Nữ	11B03	
18	110018	Phạm Thị Hồng Anh	02/01/2003	Nữ	11B04	
19	110019	Tạ Hồng Anh	01/11/2003	Nam	11B04	
20	110020	Trần Thị Lan Anh	21/07/2003	Nữ	11B02	
21	110021	Võ Hoàng Anh	16/05/2003	Nam	11B03	
22	110022	Vũ Thị Lan Anh	26/06/2003	Nữ	11B09	
23	110023	Đỗ Thị Nguyệt Ánh	04/03/2003	Nữ	11B09	
24	110024	Hoàng Diệu Phương Ánh	20/08/2003	Nữ	11B01	
25	110025	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	04/07/2003	Nữ	11B02	
26	110026	Phạm Thị Ánh	10/01/2003	Nữ	11B10	

KIỂM TRA HỌC KỲ 1

Năm học: 2019 - 2020

DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI

Phòng thi: P17

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	110027	Nguyễn Hữu Bảo	27/05/2003	Nam	11B07	
2	110028	Trần Gia Bảo	19/07/2003	Nam	11B02	
3	110029	Viên Gia Bảo	31/07/2003	Nam	11B02	
4	110030	Nguyễn Văn Bắc	17/08/2003	Nam	11B06	
5	110031	Nguyễn Văn Bắc	09/11/2003	Nam	11B07	
6	110032	Hoàng Thị Bình	11/11/2003	Nữ	11B10	
7	110033	Hứa Văn Bình	25/09/2003	Nam	11B09	
8	110034	Lại Cao Ngọc Bình	10/04/2003	Nam	11B02	
9	110035	Nhữ Đình Bình	07/07/2003	Nam	11B03	
10	110036	Phan Anh Bình	25/10/2003	Nam	11B08	
11	110037	Đặng Thị Minh Châu	02/08/2003	Nữ	11B03	
12	110038	Nhữ Ngọc Minh Châu	06/12/2003	Nữ	11B10	
13	110039	Bùi Thị Chên	16/01/2003	Nữ	11B08	
14	110040	Hà Lê Cẩm Chi	19/07/2003	Nữ	11B10	
15	110041	Nguyễn Thị Minh Chi	10/08/2003	Nữ	11B01	
16	110042	Hoàng Minh Chiến	01/01/2003	Nam	11B02	
17	110043	Hoàng Văn Chiến	30/01/2002	Nam	11B09	
18	110044	Nguyễn Văn Chiến	20/11/2001	Nam	11B09	
19	110045	Nguyễn Thừa Chí	10/01/2001	Nam	11B09	
20	110046	Ngô Văn Chính	07/10/2003	Nam	11B08	
21	110047	Hoàng Quang chung	03/09/2003	Nam	11B07	
22	110048	Đỗ Thành Công	26/05/2003	Nam	11B04	
23	110049	Hoàng Văn Công	19/11/2003	Nam	11B03	
24	110050	Nguyễn Duy Công	11/10/2003	Nam	11B07	
25	110051	Đoàn Hoa Cúc	22/10/2003	Nữ	11B07	
26	110052	Lê Huy Cường	18/09/2003	Nam	11B09	

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐẮK LẮK
TRƯỜNG THPT TRẦN QUỐC TOẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KIỂM TRA HỌC KỲ 1

Năm học: 2019 - 2020

DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI

Phòng thi: P18

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	110053	Lê Quốc Cường	02/08/2003	Nam	11B05	
2	110054	Nguyễn Chí Cường	23/05/2003	Nam	11B05	
3	110055	Nguyễn Văn Cường	01/05/2003	Nam	11B03	
4	110056	H Dáng Ksor	28/03/2002	Nữ	11B07	
5	110057	Phùng Thị Dung	13/01/2003	Nữ	11B10	
6	110058	Đặng Quang Duy	20/03/2003	Nam	11B08	
7	110059	Đặng Tiến Duy	14/12/2003	Nam	11B01	
8	110060	Cao Thị Mỹ Duyên	19/01/2003	Nữ	11B05	
9	110061	Trương Mỹ Duyên	16/07/2003	Nữ	11B01	
10	110062	Đào Bá Dũng	02/10/2003	Nam	11B06	
11	110063	Nguyễn Đăng Anh Dũng	15/10/2003	Nam	11B04	
12	110064	Nguyễn Hà Dương	22/10/2003	Nam	11B04	
13	110065	Nguyễn Thành Đạt	06/06/2003	Nam	11B05	
14	110066	Trần Tiến Đạt	01/01/2003	Nam	11B02	
15	110067	Lê Văn Điệp	02/04/2003	Nam	11B07	
16	110068	Ma Kiên Định	03/04/2002	Nam	11B09	
17	110069	Võ Phong Định	17/01/2003	Nam	11B02	
18	110070	Nguyễn Thị Tâm Đoan	08/03/2003	Nữ	11B10	
19	110071	Phạm Đăng Đoàn	13/08/2003	Nam	11B06	
20	110072	Nguyễn Hà Minh Đức	02/03/2003	Nam	11B05	
21	110073	Nông Văn Đức	01/01/2002	Nam	11B09	
22	110074	Phạm Trung Đức	31/01/2003	Nam	11B04	
23	110075	Hà Trường Giang	12/12/2003	Nam	11B06	
24	110076	Nguyễn Trường Giang	14/10/2003	Nam	11B04	
25	110077	Phạm Thị Hương Giang	28/10/2003	Nữ	11B03	
26	110078	Tần Lê Giang	22/03/2003	Nam	11B03	

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐẮK LẮK
TRƯỜNG THPT TRẦN QUỐC TOẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KIỂM TRA HỌC KỲ 1

Năm học: 2019 - 2020

DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI

Phòng thi: P19

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	110079	Huỳnh Thị Hà	14/06/2003	Nữ	11B04	
2	110080	Lê Thị Thu Hà	02/11/2003	Nữ	11B09	
3	110081	Nông Thị Thu Hà	31/03/2003	Nữ	11B05	
4	110082	Trần Thu Hà	01/10/2003	Nữ	11B05	
5	110083	Bùi Thị Hải	19/03/2003	Nữ	11B10	
6	110084	Tôn Văn Hải	05/05/2003	Nam	11B02	
7	110085	Trịnh Văn Hải	09/02/2003	Nam	11B01	
8	110086	Nguyễn Thị Thi Hà	02/07/2003	Nữ	11B03	
9	110087	Dương Thị Mỹ Hạnh	19/01/2003	Nữ	11B02	
10	110088	Hoàng Thị Hạnh	07/04/2003	Nữ	11B10	
11	110089	Triệu Thị Hạnh	11/09/2003	Nữ	11B10	
12	110090	Vũ Thị Hồng Hạnh	15/11/2003	Nữ	11B04	
13	110091	Đoàn Thị Thu Hằng	16/11/2003	Nữ	11B02	
14	110092	Nguyễn Minh Hằng	02/09/2003	Nữ	11B01	
15	110093	Phùng Trần Thu Hằng	23/06/2003	Nữ	11B10	
16	110094	Trần Gia Hân	09/02/2003	Nữ	11B04	
17	110095	Trịnh Thị Hậu	28/10/2003	Nữ	11B10	
18	110096	Lương Thị Thuý Hiền	23/10/2003	Nữ	11B09	
19	110097	Hà Thị Hiếu	03/02/2003	Nữ	11B08	
20	110098	Lê Duy Hiếu	07/08/2003	Nam	11B04	
21	110099	Nguyễn Trung Hiếu	15/07/2003	Nam	11B02	
22	110100	Nguyễn Văn Hiếu	16/03/2003	Nam	11B03	
23	110101	Phạm Ngọc Hiếu	23/08/2002	Nam	11B06	
24	110102	Trần Đình Hiếu	02/11/2003	Nam	11B05	
25	110103	Nguyễn Trọng Hiệp	15/11/2003	Nam	11B02	
26	110104	Thân Trọng Hiệp	15/11/2003	Nam	11B03	

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐẮK LẮK
TRƯỜNG THPT TRẦN QUỐC TOẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KIỂM TRA HỌC KỲ 1

Năm học: 2019 - 2020

DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI

Phòng thi: P20

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	110105	H Hoa Ksor	13/11/2002	Nữ	11B06	
2	110106	Lô Thị Thuý Hoa	06/08/2003	Nữ	11B09	
3	110107	Nguyễn Tiến Hoà	19/06/2003	Nam	11B09	
4	110108	Hoàng Thị Hoài	21/08/2003	Nữ	11B07	
5	110109	Lê Huy Hoàng	12/07/2003	Nam	11B10	
6	110110	Nguyễn Việt Hoàng	03/10/2003	Nam	11B05	
7	110111	Phạm Văn Hoàng	23/05/2003	Nam	11B03	
8	110112	Trần Xuân Hoàng	02/01/2003	Nam	11B01	
9	110113	Trương Việt Hoàng	21/11/2003	Nam	11B06	
10	110114	Võ Hoàng	24/02/2003	Nam	11B06	
11	110115	Trịnh Thị Minh Hòa	26/03/2003	Nữ	11B04	
12	110116	Đào Thị Kim Hồng	04/11/2003	Nữ	11B03	
13	110117	Đinh Thị Hồng	17/10/2003	Nữ	11B02	
14	110118	Lê Thị Quỳnh Huệ	03/11/2003	Nữ	11B05	
15	110119	Nguyễn Thị Thu Huệ	13/12/2003	Nữ	11B06	
16	110120	Trương Thị Kim Huệ	15/09/2003	Nữ	11B04	
17	110121	Vũ Đức Huy	25/06/2003	Nam	11B01	
18	110122	Khúc Thị Khánh Huyền	28/01/2003	Nữ	11B01	
19	110123	Nguyễn Thu Huyền	27/05/2003	Nữ	11B01	
20	110124	Phạm Thị Thu Huyền	29/10/2003	Nữ	11B05	
21	110125	Dương Đại Hùng	27/03/2003	Nam	11B02	
22	110126	Hà Công Hùng	17/06/2003	Nam	11B05	
23	110127	Nhữ Văn Hùng	08/08/2003	Nam	11B07	
24	110128	Nhữ Đình Hưng	17/11/2003	Nam	11B07	
25	110129	Đỗ Lan Hương	04/02/2003	Nữ	11B02	
26	110130	Hồ Thị Kim Hương	25/11/2003	Nữ	11B10	

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐẮK LẮK
TRƯỜNG THPT TRẦN QUỐC TOẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KIỂM TRA HỌC KỲ 1

Năm học: 2019 - 2020

DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI

Phòng thi: P21

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	110131	Lê Thị Thiên Hương	05/10/2003	Nữ	11B01	
2	110132	Nguyễn Thị Quỳnh Hương	17/08/2003	Nữ	11B10	
3	110133	Phạm Thị Lan Hương	03/04/2003	Nữ	11B01	
4	110134	Yên Thị Hương	01/02/2003	Nữ	11B05	
5	110135	Nguyễn Phúc Khang	06/03/2003	Nam	11B01	
6	110136	Hoàng Văn Khánh	26/09/2002	Nam	11B08	
7	110137	Phan Diệu Khánh	02/09/2003	Nữ	11B07	
8	110138	Lý Đức Khoa	03/10/2003	Nam	11B06	
9	110139	Nông Đức Khoa	01/04/2003	Nam	11B09	
10	110140	Lưu Đình Khôi	26/09/2003	Nam	11B06	
11	110141	Lê Quỳnh Xuân Khuyên	07/08/2003	Nữ	11B01	
12	110142	Hoàng Đức Kiên	13/12/2003	Nam	11B04	
13	110143	Hồ Trung Kiên	18/04/2003	Nam	11B10	
14	110144	Đỗ Nguyên Kiệt	07/05/2003	Nam	11B08	
15	110145	Nguyễn Hào Kiệt	18/12/2003	Nam	11B06	
16	110146	Đặng Thị Thạch Lam	25/06/2003	Nữ	11B02	
17	110147	Lê Thị Ngọc Lan	16/12/2003	Nữ	11B03	
18	110148	Trần Thị Mai Lành	03/01/2003	Nữ	11B04	
19	110149	Phùng Thị Lê	04/04/2003	Nữ	11B10	
20	110150	Mông Thị Lễ	01/03/2003	Nữ	11B07	
21	110151	Phạm Đăng Quang Lễ	17/10/2003	Nam	11B02	
22	110152	Hứa Thị Kim Liễu	22/06/2003	Nữ	11B03	
23	110153	Triệu Thị Liễu	22/10/2003	Nữ	11B10	
24	110154	Hoàng Duy Linh	20/01/2003	Nam	11B05	
25	110155	Hoàng Thị Mỹ Linh	04/01/2003	Nữ	11B10	
26	110156	Lê Thị Cẩm Linh	20/11/2003	Nữ	11B04	

KIỂM TRA HỌC KỲ 1

Năm học: 2019 - 2020

DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI

Phòng thi: P22

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	110157	Ngô Thị Mỹ Linh	22/10/2003	Nữ	11B01	
2	110158	Nguyễn Khánh Linh	03/08/2003	Nữ	11B01	
3	110159	Nguyễn Mai Linh	29/03/2003	Nữ	11B05	
4	110160	Phạm Thị Bảo Linh	15/04/2003	Nữ	11B05	
5	110161	Phùng Thị Thùy Linh	18/09/2003	Nữ	11B01	
6	110162	Trần Thị Mỹ Linh	15/07/2003	Nữ	11B10	
7	110163	Võ Thị Hoài Linh	07/09/2003	Nữ	11B09	
8	110164	Võ Thị Thuý Linh	10/10/2003	Nữ	11B03	
9	110165	Vũ Thị Thùy Linh	10/01/2003	Nữ	11B02	
10	110166	Vương Văn Lĩnh	14/02/2003	Nam	11B07	
11	110167	Hứa Thị Lịch	18/09/2003	Nữ	11B03	
12	110168	Trương Thị Loan	28/09/2003	Nữ	11B03	
13	110169	Mông Văn Long	14/09/2003	Nam	11B07	
14	110170	Nguyễn Phi Long	15/07/2003	Nam	11B04	
15	110171	Trần Cao Long	15/07/2003	Nam	11B01	
16	110172	Trần Hải Long	20/08/2003	Nam	11B01	
17	110173	Trịnh Thành Long	01/04/2003	Nam	11B03	
18	110174	Vũ Văn Long	17/08/2003	Nam	11B09	
19	110175	Lê Hữu Lợi	08/07/2003	Nam	11B01	
20	110176	Nguyễn Hoàng Luân	24/07/2003	Nam	11B02	
21	110177	Triệu Văn Luân	24/06/2002	Nam	11B09	
22	110178	Trịnh Công Luận	13/12/2003	Nam	11B07	
23	110179	Trần Đức Lương	05/05/2003	Nam	11B06	
24	110180	Hoàng Thị Cẩm Ly	15/09/2003	Nữ	11B07	
25	110181	Đỗ Thị Ngọc Mai	22/04/2003	Nữ	11B03	
26	110182	Hoàng Thị Mai	19/11/2003	Nữ	11B06	

KIỂM TRA HỌC KỲ 1

Năm học: 2019 - 2020

DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI

Phòng thi: P23

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	110183	Phạm Thị Tuyết Mai	20/09/2003	Nữ	11B01	
2	110184	Vì Thị Mai	13/01/2003	Nữ	11B06	
3	110185	Trần Văn Mạnh	19/11/2002	Nam	11B09	
4	110186	Đào Meghi	15/01/2003	Nữ	11B02	
5	110187	Nguyễn Thị Mến	04/12/2003	Nữ	11B05	
6	110188	Nguyễn Thị Thu Mến	08/09/2003	Nữ	11B01	
7	110189	Lê Hồng Mi	02/01/2003	Nữ	11B04	
8	110190	Cao Văn Minh	26/11/2003	Nam	11B05	
9	110191	Nguyễn Nhật Minh	29/12/2003	Nam	11B01	
10	110192	Nguyễn Quang Minh	06/05/2003	Nam	11B05	
11	110193	Nguyễn Thị Minh	02/10/2003	Nữ	11B01	
12	110194	Trương Quốc Minh	28/08/2003	Nam	11B04	
13	110195	Phan Thị Hòa My	14/09/2003	Nữ	11B06	
14	110196	Đàm Phương Nam	02/02/2003	Nam	11B01	
15	110197	Nguyễn Văn Nam	16/11/2003	Nam	11B08	
16	110198	Phan Hoàng Nam	01/06/2003	Nam	11B03	
17	110199	Võ Ngọc Thành Nam	24/10/2003	Nam	11B03	
18	110200	Nay Huy Hoàng	17/08/2003	Nam	11B08	
19	110201	Đặng Thị Thu Nga	07/08/2003	Nữ	11B07	
20	110202	Phạm Thị Quỳnh Nga	17/06/2003	Nữ	11B02	
21	110203	Đỗ Thị Kim Ngân	27/04/2003	Nữ	11B03	
22	110204	Hoàng Thị Kim Ngân	07/07/2003	Nữ	11B06	
23	110205	Mai Thị Thanh Ngân	28/02/2003	Nữ	11B04	
24	110206	Nguyễn Thị Thu Ngân	27/09/2003	Nữ	11B05	
25	110207	Phạm Thị Ngân	20/02/2003	Nữ	11B06	
26	110208	Phạm Thị Mai Ngân	13/04/2003	Nữ	11B02	

KIỂM TRA HỌC KỲ 1

Năm học: 2019 - 2020

DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI

Phòng thi: P24

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	110209	Võ Ngọc Kim Ngân	03/06/2003	Nữ	11B01	
2	110210	Vũ Hoài Thúy Ngân	07/04/2003	Nữ	11B04	
3	110211	Lê Văn Nghĩa	06/08/2003	Nam	11B05	
4	110212	Nguyễn Trọng Nghĩa	22/03/2003	Nam	11B03	
5	110213	Nguyễn Văn Nghĩa	13/10/2003	Nam	11B06	
6	110214	Mã Thị Thúy Ngọc	09/05/2003	Nữ	11B10	
7	110215	Nguyễn Thị Huyền Ngọc	20/11/2003	Nữ	11B02	
8	110216	Phan Thị Ngọc	13/04/2003	Nữ	11B05	
9	110217	Trần Bích Ngọc	25/08/2003	Nữ	11B04	
10	110218	Hoàng Ngọc Nguyên	16/02/2003	Nam	11B05	
11	110219	Phan Cao Nguyên	24/08/2003	Nam	11B01	
12	110220	Trần Cao Nguyên	20/10/2003	Nam	11B08	
13	110221	Lê Thị Ánh Nguyệt	24/10/2001	Nữ	11B04	
14	110222	Lê Đăng Nhật	19/05/2003	Nam	11B01	
15	110223	Hoàng Thị Yến Nhi	16/12/2003	Nữ	11B10	
16	110224	Trần Lan Nhi	05/09/2003	Nữ	11B03	
17	110225	Trịnh Châu Nhi	06/11/2003	Nữ	11B05	
18	110226	Y Nhiên Niê	18/12/2003	Nam	11B09	
19	110227	Nguyễn Hồng Nhung	08/11/2003	Nữ	11B04	
20	110228	Nguyễn Thị Hoàng Nhung	09/02/2003	Nữ	11B05	
21	110229	Đoàn Quỳnh Như	24/06/2003	Nữ	11B05	
22	110230	Nguyễn Thị Quỳnh Như	26/09/2003	Nữ	11B04	
23	110231	Nguyễn Uyển Như	05/09/2003	Nữ	11B01	
24	110232	Nguyễn Thị Kim Oanh	07/01/2003	Nữ	11B01	
25	110233	Mã Tiên Phong	07/03/2003	Nam	11B05	
26	110234	Nguyễn Xuân Phong	19/06/2002	Nam	11B06	

KIỂM TRA HỌC KỲ 1

Năm học: 2019 - 2020

DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI

Phòng thi: P25

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	110235	Trần Duy Phong	13/06/2003	Nam	11B07	
2	110236	Hoàng Xuân Phú	08/09/2002	Nam	11B08	
3	110237	Đoàn Thị Phúc	11/03/2003	Nữ	11B10	
4	110238	Tạ Đình Phúc	19/10/2003	Nam	11B02	
5	110239	Đoàn Thị Phương	09/04/2003	Nữ	11B10	
6	110240	Lê Thị Như Phương	11/07/2003	Nữ	11B05	
7	110241	Nguyễn Huệ Phương	03/05/2003	Nữ	11B01	
8	110242	Nguyễn Thị Thanh Phương	18/08/2002	Nữ	11B08	
9	110243	Phan Thị Hoài Phương	02/10/2003	Nữ	11B03	
10	110244	Trần Thị Phương	22/05/2003	Nữ	11B10	
11	110245	Võ Hoàng Phước	17/04/2003	Nam	11B08	
12	110246	Vũ Trọng Phước	18/11/2003	Nam	11B09	
13	110247	Phan Thị Phụng	07/01/2003	Nữ	11B08	
14	110248	Nguyễn Văn Quang	02/05/2003	Nam	11B05	
15	110249	Lương Văn Quân	07/05/2003	Nam	11B08	
16	110250	Lê Thị Như Quyên	01/10/2003	Nữ	11B08	
17	110251	Mac Thị Huyền Quyên	20/01/2003	Nữ	11B08	
18	110252	Nguyễn Thị Thủy Quyên	02/11/2003	Nữ	11B03	
19	110253	Phương Trúc Quyên	04/05/2003	Nữ	11B05	
20	110254	Võ Thị Ánh Quyên	18/12/2003	Nữ	11B05	
21	110255	Vũ Thị Quyên	14/10/2003	Nữ	11B04	
22	110256	Lục Văn Quyên	23/03/2003	Nam	11B07	
23	110257	Lương Gia Quyên	14/05/2003	Nữ	11B04	
24	110258	Vũ Xuân Quyên	03/03/2003	Nam	11B02	
25	110259	Lê Viết Nghị Quyết	05/04/2003	Nam	11B04	
26	110260	Trần Nam Quyết	10/06/2003	Nam	11B06	

KIỂM TRA HỌC KỲ 1

Năm học: 2019 - 2020

DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI

Phòng thi: P26

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	110261	Hoàng Thị Quỳnh	16/08/2003	Nữ	11B10	
2	110262	Lê Thị Quỳnh	16/09/2003	Nữ	11B04	
3	110263	Nguyễn Thị Quỳnh	15/11/2003	Nữ	11B08	
4	110264	Nguyễn Thị Như Quỳnh	10/07/2003	Nữ	11B03	
5	110265	Nhữ Thị Như Quỳnh	19/07/2003	Nữ	11B06	
6	110266	Phan Thị Diễm Quỳnh	14/01/2003	Nữ	11B02	
7	110267	Vũ Mai Quỳnh	10/01/2003	Nam	11B07	
8	110268	Nguyễn Văn Quý	09/09/2003	Nam	11B05	
9	110269	Phạm Đình Quý	20/09/2003	Nam	11B08	
10	110270	Phạm Thế Quý	16/09/2003	Nam	11B08	
11	110271	Trần Thị Thanh Quý	02/05/2003	Nữ	11B04	
12	110272	Bùi Văn Sang	30/07/2003	Nam	11B02	
13	110273	Nguyễn Duyên Sáng	08/03/2003	Nam	11B08	
14	110274	Trần Quang Sinh	09/01/2003	Nam	11B07	
15	110275	Đỗ Mạnh Sơn	12/07/2003	Nam	11B06	
16	110276	Thảm Triệu Văn Sơn	23/04/2003	Nam	11B10	
17	110277	Trần Quang Sỹ	16/11/2003	Nam	11B03	
18	110278	Trương Tấn Sỹ	20/12/2003	Nam	11B06	
19	110279	Lê Thị Tâm	16/02/2003	Nữ	11B05	
20	110280	Lê Thị Mỹ Tâm	24/11/2003	Nữ	11B07	
21	110281	Lê Thị Thanh Tâm	16/05/2003	Nữ	11B02	
22	110282	Ngô Thành Tâm	07/12/2003	Nam	11B03	
23	110283	Nguyễn Thị Thanh Tâm	01/01/2003	Nữ	11B01	
24	110284	Phạm Thanh Tâm	16/02/2003	Nữ	11B04	
25	110285	Trần Quốc Tấn	07/07/2003	Nam	11B08	
26	110286	Đàm Thị Thanh	09/11/2002	Nữ	11B10	

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐẮK LẮK
TRƯỜNG THPT TRẦN QUỐC TOẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KIỂM TRA HỌC KỲ 1

Năm học: 2019 - 2020

DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI

Phòng thi: P27

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	110287	Đỗ Quang Thanh	29/07/2003	Nam	11B08	
2	110288	Hà Thị Phương Thanh	03/11/2003	Nữ	11B05	
3	110289	Nguyễn Nhật Thanh	14/01/2003	Nam	11B02	
4	110290	Nguyễn Thị Kim Thanh	25/03/2003	Nữ	11B09	
5	110291	Ngô Ngọc Thao	08/11/2002	Nam	11B06	
6	110292	Đào Thị Thành	26/08/2003	Nữ	11B07	
7	110293	Lê Tiến Thành	01/06/2003	Nam	11B01	
8	110294	Lê Trung Thành	15/04/2003	Nam	11B02	
9	110295	Lý Ngọc Thành	25/11/2003	Nam	11B09	
10	110296	Ngô Văn Thành	01/01/2002	Nam	11B04	
11	110297	Nguyễn Minh Thành	12/04/2003	Nam	11B05	
12	110298	Nguyễn Ngọc Thành	03/07/2003	Nữ	11B03	
13	110299	Nguyễn Quốc Thành	08/06/2003	Nam	11B03	
14	110300	Nguyễn Thị Thành	23/05/2003	Nữ	11B01	
15	110301	Trần Văn Thành	29/08/2003	Nam	11B07	
16	110302	Triệu Đình Thành	03/09/2003	Nam	11B04	
17	110303	Trương Quốc Thành	18/05/2003	Nam	11B09	
18	110304	Võ Minh Thành	05/06/2002	Nam	11B05	
19	110305	Huỳnh Trung Thái	24/05/2003	Nam	11B08	
20	110306	Hoàng Thị Thu Thảo	09/07/2003	Nữ	11B08	
21	110307	Hồ Thị Thu Thảo	26/09/2003	Nữ	11B05	
22	110308	Nguyễn Phương Thảo	17/09/2003	Nữ	11B01	
23	110309	Nguyễn Thị Phương Thảo	10/03/2003	Nữ	11B02	
24	110310	Trần Thị Thảo	24/08/2003	Nữ	11B10	
25	110311	Trần Thị Thanh Thảo	30/03/2003	Nữ	11B02	
26	110312	Vũ Thị Hiền Thảo	28/06/2003	Nữ	11B02	

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐẮK LẮK
TRƯỜNG THPT TRẦN QUỐC TOẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KIỂM TRA HỌC KỲ 1

Năm học: 2019 - 2020

DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI

Phòng thi: P28

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	110313	Dương Văn Thắng	06/06/2003	Nam	11B06	
2	110314	Phan Dư Thắng	25/07/2003	Nam	11B01	
3	110315	Phạm Ngọc Minh Thắng	21/04/2003	Nam	11B09	
4	110316	Tăng Đỗ Quốc Thắng	18/11/2003	Nam	11B09	
5	110317	Trần Dương Đức Thắng	15/08/2003	Nam	11B04	
6	110318	Hoàng Văn Thèn	11/04/2001	Nam	11B07	
7	110319	Hoàng Thị Thiết	27/12/2003	Nữ	11B04	
8	110320	Nguyễn Ngọc Thiện	22/09/2003	Nam	11B09	
9	110321	Trà Minh Thiện	08/07/2003	Nam	11B05	
10	110322	Hoàng Đức Thịnh	01/01/2003	Nam	11B03	
11	110323	Nguyễn Phúc Thọ	04/10/2003	Nam	11B08	
12	110324	Nhữ Văn Thọ	24/04/2003	Nam	11B06	
13	110325	Nguyễn Thị Thi Thơ	11/03/2003	Nữ	11B01	
14	110326	Đàm Văn Thuận	02/07/2003	Nam	11B07	
15	110327	Lê Thị Thanh Thúy	13/06/2003	Nữ	11B04	
16	110328	Trần Lê Thủy	30/03/2003	Nữ	11B10	
17	110329	Nguyễn Anh Thư	22/08/2003	Nữ	11B01	
18	110330	Võ Thị Thư	01/11/2003	Nữ	11B01	
19	110331	Lê Thị Thương	15/10/2003	Nữ	11B04	
20	110332	Lưu Thị Thương	29/03/2003	Nữ	11B09	
21	110333	Nguyễn Thị Diệu Thương	20/10/2003	Nữ	11B01	
22	110334	Nguyễn Thị Hoài Thương	10/09/2003	Nữ	11B07	
23	110335	Nguyễn Thị Ngọc Thương	07/12/2003	Nữ	11B01	
24	110336	Trần Thị Thương	16/06/2003	Nữ	11B08	
25	110337	Nông Trung Thường	13/11/2003	Nam	11B10	
26	110338	Vương Văn Thúc	20/06/2003	Nam	11B06	

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐẮK LẮK
TRƯỜNG THPT TRẦN QUỐC TOẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KIỂM TRA HỌC KỲ 1

Năm học: 2019 - 2020

DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI

Phòng thi: P29

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	110339	Trần Nhật Tiên	10/12/2003	Nữ	11B02	
2	110340	Võ Thị Mỹ Tiên	01/09/2003	Nữ	11B01	
3	110341	Nguyễn Minh Tiến	14/03/2003	Nam	11B03	
4	110342	Lục Văn Toàn	25/05/2003	Nam	11B06	
5	110343	Vũ Dương Đức Toàn	28/07/2003	Nam	11B08	
6	110344	Đào Thị Thu Trang	15/07/2003	Nữ	11B03	
7	110345	Đinh Nguyễn Thùy Trang	13/02/2003	Nữ	11B05	
8	110346	Hoàng Thị Trang	02/03/2003	Nữ	11B10	
9	110347	Nguyễn Thị Huyền Trang	01/01/2003	Nữ	11B06	
10	110348	Trần Thị Thu Trang	25/08/2003	Nữ	11B03	
11	110349	Vũ Thị Trang	02/07/2003	Nữ	11B08	
12	110350	Nguyễn Tiến Tráng	13/04/2003	Nam	11B09	
13	110351	Nguyễn Ngọc Trâm	10/09/2003	Nữ	11B04	
14	110352	Phạm Nguyễn Thúy Trâm	14/11/2003	Nữ	11B01	
15	110353	Trần Thị Mỹ Trâm	01/04/2003	Nữ	11B03	
16	110354	Võ Thị Ngọc Trâm	29/08/2003	Nữ	11B06	
17	110355	Vũ Thị Tô Trân	01/01/2001	Nữ	11B10	
18	110356	Dương Thùy Trinh	01/01/2003	Nữ	11B04	
19	110357	Phan Thị Kiều Trinh	07/07/2003	Nữ	11B09	
20	110358	Trần Đức Trí	29/12/2003	Nam	11B09	
21	110359	Lương Minh Trung	14/07/2003	Nam	11B03	
22	110360	Vũ Đình Trung	24/09/2003	Nam	11B08	
23	110361	Đông Thị Kim Trúc	06/01/2003	Nữ	11B02	
24	110362	ĐinhBAT Trường	04/07/2003	Nam	11B02	
25	110363	Nguyễn Đình Trường	26/07/2003	Nam	11B07	
26	110364	Nguyễn Xuân Trường	06/10/2003	Nam	11B05	
27	110365	Phan Văn Trường	24/10/2003	Nam	11B07	

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐẮK LẮK
TRƯỜNG THPT TRẦN QUỐC TOẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KIỂM TRA HỌC KỲ 1

Năm học: 2019 - 2020

DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI

Phòng thi: P30

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	110366	Nguyễn Doãn Tuấn	06/01/2003	Nam	11B08	
2	110367	Nguyễn Quý Tuấn	27/08/2003	Nam	11B07	
3	110368	Phạm Minh Tuấn	08/02/2003	Nam	11B02	
4	110369	Yên Bùi Thái Tuấn	13/08/2003	Nam	11B02	
5	110370	Đỗ Anh Tuyết	16/08/2003	Nữ	11B05	
6	110371	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	05/06/2003	Nữ	11B09	
7	110372	Nhữ Hạ Tuyết	20/06/2003	Nữ	11B03	
8	110373	Nguyễn Thanh Tùng	03/08/2003	Nam	11B04	
9	110374	Trần Thanh Tùng	10/02/2003	Nam	11B10	
10	110375	Hoàng Văn Tú	29/03/2003	Nam	11B04	
11	110376	Nhữ Quỳnh Tươi	27/05/2003	Nữ	11B10	
12	110377	Trần Thị Tươi	18/01/2003	Nữ	11B02	
13	110378	Nhữ Thị Út	03/08/2003	Nữ	11B10	
14	110379	Nguyễn Huỳnh Tường Vi	29/11/2002	Nữ	11B04	
15	110380	Thân Trọng Việt	17/10/2003	Nam	11B09	
16	110381	Nguyễn Quang Vui	11/09/2003	Nam	11B07	
17	110382	Lô Văn Vượng	20/10/2002	Nam	11B09	
18	110383	Lê Thị Khánh Vy	13/07/2003	Nữ	11B06	
19	110384	Nguyễn Thanh Thảo Vy	10/03/2003	Nữ	11B02	
20	110385	Nguyễn Trần Tường Vy	05/09/2003	Nữ	11B03	
21	110386	Y Xảo Niê	14/07/2003	Nam	11B06	
22	110387	Ngô Kim Xuân	11/10/2003	Nữ	11B02	
23	110388	Bùi Thị Y	04/06/2003	Nữ	11B09	
24	110389	Đàm Thị Yến	03/05/2003	Nữ	11B10	
25	110390	Lương Thị Yến	10/06/2003	Nữ	11B10	
26	110391	Tô Nguyễn Bích Ý	05/05/2003	Nữ	11B01	
27	110392	Trương Khoa Như Ý	27/12/2003	Nữ	11B06	